TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 05-6-2018
V/v : "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Đúng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T không tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử dân sự Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Phượng T , sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 76/33/18 đường L , phường Phú Thọ Hòa, quận T, TP.H

Bị đơn: Ông Đoàn Minh T , sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 76/33/18 đường L , phường P , quận T, TP.H

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Phượng T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Đoàn Minh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn cùng năm. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 240/2015/HNGĐ-ST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân quận T, TP.H . Cuối năm 2015, vợ chồng chung sống lại và đăng ký kết hôn lần thứ hai tại

Ủy ban nhân dân phường P , quận T , Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 21/9/2015.

Ngay khi về chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên đã tạo điều kiện để vợ chồng hòa hợp cùng nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Minh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông Đoàn Minh T có 02 (hai) con chung tên Đoàn Minh Thông, sinh ngày 12/6/1990 và Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000 cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Đoàn Minh T , sinh ngày 12/6/1990 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2018 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn Minh T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của Bà T về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

-Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian ly hôn vợ chồng về chung sống lại thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà T vì vợ chồng không thể hàn gắn.

-Về con chung: Ông và bà Trần Phượng T có 02 (hai) con chung tên Đoàn Minh T , sinh ngày 12/6/1990 và Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000. Khi ly hôn ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000. Ông không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Đoàn Minh T , sinh ngày 12/6/1990 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Trần Phượng T , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Nay Bà T yêu cầu ly hôn, ông Đoàn Minh T có nơi cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự :

Bà T và ông Trí đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng cả hai đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bà T và ông Trí theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 21/9/2015 do UBND phường P , quận T , Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Minh T và bà Trần Phượng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ Tòa án thu thập, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Thời gian chung sống vợ chồng Bà T và ông Trí thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẽ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Mặt khác, Bà T xin ly hôn, ông Trí đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà T . Bà T và ông Trí đều có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt thể hiện cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T .

*Về quan hệ con chung:

Bà T và ông T cùng thỏa thuận giao con chung tên Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Đoàn Minh T , sinh ngày 12/6/1990 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của ông T và Bà T là phù hợp, thực tế trẻ Đoàn Minh T đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ

vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà T .

*****Về cấp dưỡng**:** Ông T không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà T do ông T không yêu cầu.

* Về tài sản chung: Bà T và ông T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

* Về nợ chung: Bà T và ông T khai không có. Nếu sau này các bên có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Phượng T phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Trần Phượng T được ly hôn với ông Đoàn Minh T .

Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 154 ngày 21/9/2015 do UBND phường P , quận T , Thành phố H cấp cho bà Trần Phượng T và ông Đoàn Minh T không còn giá trị kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- ***Về quan hệ con chung***: Giao con chung tên Đoàn Minh T , sinh ngày 22/6/2000 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà T do ông T không yêu cầu. Đối với con chung Đoàn Minh T , sinh

ngày 12/6/1990 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc Bà T , hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp Bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Bà T và ông T xin để hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Bà Vân và ông T khai không có. Nếu sau này hai bên có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

***2.* Về án phí :** Bà Trần Phượng T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do Bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010638 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THA dân sự quận T
- UBND phường P , quận T, TP.H
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý